**TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN MỸ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ CHUYÊN MÔN 4, 5** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Phong Mỹ, ngày 10 tháng 9 năm 2019*

# KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TỔ CHUYÊN MÔN 4, 5

# NĂM HỌC 2019 - 2020

##### Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ chuyên môn năm học 2019 - 2020 của trường và trên cơ sở tình hình thực tế của tổ chuyên môn 4, 5. Với đặc điểm riêng của tổ chuyên môn 4, 5 nên có những thuận lợi và khó khăn sau :

# 1. Thuận Lợi :

- Được sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học một cách chặt chẽ, sâu sát của BGH Trường Tiểu học Tân Mỹ, cùng với sự quan tâm giúp đỡ của hội phụ huynh học sinh trong công tác giáo dục.

- Các giáo viên trong tổ đều đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Các giáo viên trong tổ đã dạy lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

- Các giáo viên trong tổ đều có ý thức chấp hành tốt kỉ luật lao động, qui chế chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng giảng dạy học sinh.

- Hầu hết học sinh trong tổ trung thực, thật thà, ngoan ngoãn, lễ phép với mọi người, đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện, có ý thức yêu trường, yêu lớp.

- Đường giao thông thuận tiện, học sinh có đủ phương tiện để đến trường.

**2. Khó khăn** :

- Một số giáo viên ở xa trường nên có phần ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác của tổ.

- Một số học sinh còn thuộc gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình khó khăn, mồ côi nên việc đầu tư vào học tập cho các em còn hạn chế.

- Trong tổ có nhiều học sinh dân tộc thiểu số ; có học sinh năng lực còn hạn chế, tiếp thu bài, tính toán, nói viết còn chậm và có học sinh khuyết tật trí tuệ nên ảnh hưởng đến công tác giáo dục chất lượng. Năng lực học tập của các em không đồng đều, một số em chưa có tính tự giác trong học tập, quá hiếu động, hoạt động mang tính bộc phát và thiếu khả năng tự kiềm chế cảm xúc.

- Một số phụ huynh ít quan tâm đến việc học tập của con em mình, chỉ giao phó cho nhà trường quản lý và giáo dục nên cũng gây khó khăn cho giáo viên giảng dạy.

- Cơ sở vật chất của nhà trường để phục vụ cho việc dạy học còn hạn chế.

Tổ chuyên môn 4, 5 tập trung triển khai và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn năm học 2019 - 2020 như sau :

**A. NHIỆM VỤ CHUNG** :

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết 29 ngày 04/11/2013 về việc đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT.

- Tăng cường xây dựng kỉ cương, nề nếp và chất lượng, hiệu quả công tác, thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, chú trọng giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng cho học sinh.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, khuyến khích sự sáng tạo và đề cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức của nhà giáo. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Tích cực đổi mới hơn nữa công tác quản lý, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh, dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục môi trường, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh ; tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng/chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục ; triển khai nhân rộng hiệu quả một sô thành tố tích cực của mô hình trường học mới VNEN, phương pháp BTNB, phương pháp lấy học sinh làm trung tâm và tham gia có hiệu quả các hội thi, giao lưu các cấp.

- Tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2020 bằng cách kèm cặp, phụ đạo thêm tiếng Việt trong tất cả các tiết dạy học trên lớp ; duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học ; tăng cường bồi dưỡng cho học sinh năng khiếu và phụ đạo cho học sinh hạn chế ; tích cực đầu tư dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập để phát triển trí tuệ, phát triển nhận thức và kĩ năng giao tiếp với cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ, khuyến khích sự sáng tạo và đề cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức của giáo viên. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và dạy học.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên thông qua dự giờ, góp ý xây dựng tiết dayjthao giảng, chuyên đề.

- Phấn đấu thực hiện trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

**B. NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ :**

**I. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN SỐ LƯỢNG:**

**1. Công tác phát triển số lượng - củng cố thành quả phổ cập giáo dục tiểu học :**

- Tổng số học sinh của tổ 90 học sinh

**2. Chỉ tiêu huy động và duy trì số lượng :**

- Tổ đã huy động đến ngày 05/9/2019 : 90 em/38 nữ/4 lớp. *Chia ra:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khối lớp | Số học sinh | Nữ | Số lớp |
| 4 | 40 | 22 | 2 |
| 5 | 50 | 22 | 2 |
| **Tổng cộng** | **90** | **1** | **10** |

- Học sinh dân tộc thiểu số : 26 em/13 nữ. ( K4 : 13 em/8 nữ ; K5 : 13 em/5 nữ).

- Số học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học trong nhà trường 50/50 em, tỉ lệ 100%.

- Số học sinh học Tiếng Anh, Tin học : 90em/4 lớp

**3. Một số biện pháp về công tác huy động và duy trì số lượng:**

+ Ngay từ đầu năm học, giáo viên yêu cầu học sinh nghỉ học phải có lý do chính đáng và phải có đơn xin phép của phụ huynh.

+ Giáo viên thường xuyên thăm hỏi học sinh đồng thời phối kết hợp chặt chẽ với gia đình phụ huynh để kịp hời nhắc nhở, động viên học sinh đi học chuyên cần.

+ Phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, chi hội Chữ thập đỏ Trường, hội PHHS để có sự hỗ trợ về đồ dùng học tập, sách vở cho các em có hoàn cảnh khó khăn trong học tập, giúp các em học tập tốt hơn.

**II . CÔNG TÁC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN:**

**1. Đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa:**

Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh và thực tiễn giáo dục địa phương theo Quyết định số 16/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/5/2006 của Bộ GD&ĐT ; dạy đúng, đủ các môn theo quy định của chuẩn KT-KN, không bớt xén giờ dạy, tiết dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Nhân rộng một số thành tố tích cực mô hình VNEN.

Tiếp tục triển khai phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo hướng dẫn tại công văn số 2556/SGDĐT-GDTH ngày 26/10/2015 ; Sắp xếp một số nội dung dạy học trong chương trình môn học TNXH, Khoa học. Giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo phương pháp “*Bàn tay nặn bột*” tối thiểu 2 chủ đề/năm/giáo viên, có sơ tổng kết đúc rút kinh nghiệm cho những năm sau.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giờ dạy Mỹ thuậtđa phương tiện bằng cách sắp xếp lại từ các bài học riêng lẻ trong sách giáo khoa hiện hành thành từng bài học theo chủ đề, dựa trên cốt truyện, liên kết giữa nội dung học tập với thực tế cuộc sống.

Tích hợp hợp lí, hiệu quả các nội dung giáo dục như *Bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, quyền và bổn phận của trẻ em, an toàn giao thông, giáo dục kĩ năng sống, phòng tránh tai nạn thương tích, ứng phó với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới*…

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 1489/KH-SGDĐT ngày 08/7/2014 của Sở về triển khai chiến lược và chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác giáo dục dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020. Tích hợp dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số vào tất cả các môn học và hoạt động giáo dục để các em có điều kiện nói, đọc, hiểu và viết được tiếng Việt tốt hơn. Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập hòa nhập; điều chỉnh linh hoạt về tổ chức, nội dung, phương pháp và đánh giá xếp loại cho phù hợp với mỗi đối tượng học sinh.

Tiếp tục giảng dạy giáo dục địa phương theo công văn số 5982/BGDĐT-GDTH ngày 07/7/2008 theo tài liệu được Sở biên soạn.

Kiểm tra, bổ sung đầy đủ sách vở học tập cho HS và hướng dẫn học sinh sử dụng sách, vở hàng ngày để không mang nhiều sách vở khi đến trường. Tăng cường việc ứng dụng các phương tiện CNTT vào dạy học. Chú trọng việc dạy phụ đạo kèm học sinh hạn chế vào hàng tuần. Dạy học thực hiện đúng theo sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT, HKI 18 tuần, HKII 17 tuần.

Thực hiện dạy học môn tự chọn từ lớp 4, 5 là môn Tin học và môn tiếng Anh.

Nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (4 tiết/tháng) được thực hiện tích hợp vào các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thủ công, Kỹ thuật theo hướng dạy phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường.

**2. Công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh:**

***2.1 Chất lượng giáo dục phát triển hoạt động các môn học:*** *(có bảng phụ lục kèm theo)*

***a. Yêu cầu***:

- Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kí năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng học sinh có năng lực, đảm bảo chất lượng thực chất.

***b. Chỉ tiêu học lực theo từng khối:***

- Phấn đấu cuối năm có 65% – 70% học sinh HTXS và HTT nội dung các môn học ; 30% - 35% học sinh hoàn thành các môn học

- Chỉ tiêu lên lớp thẳng 90/90 ; đạt tỉ lệ 100%.

- Chỉ tiêu học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học: 50/50 đạt 100%.

***c. Biện pháp:***

- Thực hiện tốt quy chế thi cử và quy định đánh giá, xếp loại học sinh theo đúng chuẩn kiến thức - kỹ năng của từng môn học theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về nhận xét, đánh giá học sinh Tiểu học. Kiên quyết nói không với bệnh thành tích trong giáo dục, đổi mới công tác chấm chữa, công tác thi đua trong nhà trường. Đổi mới trong việc nâng cao chất lượng, gắn trách nhiệm giảng dạy, giáo dục của giáo viên với kết quả học tập rèn luyện của học sinh thông qua việc phân công giáo viên dạy học và chủ nhiệm theo lớp một cách phù hợp. Thực hiện theo quy trình tổ chức kiểm tra chung, chấm chung và các bài kiểm tra là một trong những cơ sở để đối chiếu đánh giá năng lực và tinh thần trách nhiệm, sự cố gắng của giáo viên đồng thời là cơ sở nhằm điều chỉnh hoạt động dạy học của giáo viên.

- Tích cực phụ đạo cho học sinh có năng lực còn hạn chế do giáo viên chủ nhiệm phụ trách, phụ đạo vào buổi học thứ 2 và lồng ghép vào các tiết dạy hàng ngày.

- Thực hiện dạy học môn tự chọn Tin học cho học sinh đảm bảo ít nhất 2 tiết/lớp/tuần đối với lớp 4, 5 ; dạy Tiếng Anh 4 tiết/lớp/tuần lớp 4, 5 ; dạy An toàn giao thông vào tháng 9, Quyền và Bổn phận trẻ em vào tháng 10, phòng tránh tai nạn thương tích cho tất cả các khối lớp.

**2.2 Chất lượng giáo dục sự hình thành và phát triển một số năng lực của học sinh**

***a. Yêu cầu:*** Đảm bảo yêu cầu tự phục vụ, tự quản; hợp tác ; tự học và giải quyết vấn đề.

***b. Chỉ tiêu* *:*** Học sinh được đánh giá Tốt, Đạt về năng lực 90/90, đạt 100%.

***c. Biện pháp:***

***-*** Học sinh phải có đầy đủ sách vở, dụng cụ học tập theo quy định, đi học đều, đúng giờ, thuộc bài và nắm chắc bài trước khi đến lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài. Cho học sinh diện nghèo, khó khăn, dân tộc thiểu số mượn các bộ đồ dùng để học tập có hiệu quả hơn.

- Đẩy mạnh phong trào học - đọc sách ở thư viện cũng như phong trào học tập vào các câu lạc bộ như : CLB Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Tin học, Vẽ tranh,...

- Mỗi lớp phải xây dựng nội quy lớp học, học sinh biết tự học và kỹ năng làm việc theo nhóm biết đặt và trả lời câu hỏi trong hoạt động học tập và ngoại khoá, mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, ứng xử hàng ngày.

- Tổ chức cho các em học nhóm, đôi bạn cùng tiến, truy bài trước khi vào lớp, rèn luyện cho học sinh có thói quen tự giác học tập, các kỹ năng trao đổi, thảo luận, trình bày trước tập thể lớp.

***2.3* Chất lượng giáo dục sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh**

***a. Yêu cầu*** : Đảm bảo các yêu cầu như : chăm học, chăm làm ; tự tin, trách nhiệm; trung thực, kỷ luật ; đoàn kết, yêu thương.

***b. Chỉ tiêu :*** Học sinh được đánh giá Tốt, Đạt về phẩm chất 90/90, đạt 100%. Không có học sinh đánh giá Cần cố gắng.

***c.*** ***Biện pháp***

- Nâng cao chất lượng giáo dục nội dung các môn Đạo đức, Tiếng Việt, Lịch sử, Địa lý,... Dạy đầy đủ tất cả các môn ; Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh cho học sinh ; Phối kết hợp chặt chẽ giữa ba yếu tố : Nhà trường - gia đình - xã hội để giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

- Đối với HSDTTS cần chú ý đến vệ sinh thân thể, sức khoẻ hằng ngày cho các em như biết đánh răng rữa mặt đúng quy cách, áo quần, mũ, dép đầy đủ trước khi đến lớp.

- Tiếp tục giáo dục học sinh thực hiện tốt các phong trào theo 5 điều Bác Hồ dạy.

**2.4 Công tác hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khoá và giáo dục thể chất**:

***a. Yêu cầu*** :

- Đẩy mạnh công tác hoạt động ngoại khoá, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục trẻ khuyết tật hoà nhập với cộng đồng và công tác y tế học đường; phòng chống các tệ nạn xã hội HIV/AIDS, ma tuý và tội phạm học đường cho các em qua các hoạt động do Hội đồng đội huyện, nhà trường tổ chức.

- Thực hiện tốt chủ đề năm học 2019 - 2020 của Đội.

- GVCN thực hiện tốt việc chào cờ đầu tuần; triển khai tập thể dục giữa giờ, lao động vệ sinh sạch sẽ theo khu vực, chú trọng đến vệ sinh thân thể, ăn mặc của các em học sinh.

***b. Chỉ tiêu*:**

- 100% Đội viên thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. Tổ chức đại hội Chi - Liên Đội hoàn thành trong tháng 9. Liên đội triển khai phong trào *“Đọc và làm theo báo Đội”*. Phấn đấu trên 100% Chi Đội mạnh

- Các Chi Đội xây dựng quỹ của chi đội mình để trang trí lớp học, có chậu hoa, cây cảnh trong khuôn viên lớp nhằm góp phần xây dựng môi trường “xanh - sạch- đẹp - an toàn”.

***c. Biện pháp:***

- Tham gia tích cực các hoạt động ngoài giờ, đẩy mạnh công tác sinh hoạt tập thể, các trò chơi dân gian, công tác chủ nhiệm. Xây dựng nội quy lớp học theo hướng giáo dục tích cực. GV.TPT quản lý, ngăn chặn các hành vi sai phạm trong học sinh cũng như việc vệ sinh hàng ngày và thực hiện “Chủ nhật xanh” vào chiều thứ sáu hàng tuần.

- Nâng cao sinh hoạt Đội - Sao, múa hát sân trường, các phong trào theo từng chương trình và chủ điểm. Thi tiếng hát học sinh. Triển khai cho học sinh viết, học tập ở sổ tay đội viên, các bài múa hát sân trường, các trò chơi dân gia

- Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt 20 phút ra chơi. Phân công đội viên phụ trách sao, tổ chức tốt việc chào cờ đầu tuần và có đánh giá cụ thể, xây dựng phong trào nêu gương “*người tốt, việc tốt”*, phát huy vai trò đội cờ đỏ. Phát động các đợt thi đua học tập theo chủ điểm tháng. Tiếp tục duy trì và nhân rộng phong trào*“Đôi bạn cùng tiến”*. Phong trào giúp đỡ HS.DTTS học tốt tiếng Việt cần được triển khai và nhân rộng. Tích cực tham gia tuyên truyền và thực hiện “Luật An toàn giao thông”, “Quyền và bổn phận trẻ em”,“ nước sạch, vệ sinh môi trường”, “vệ sinh an toàn thực phẩm”,...

**3. Đẩy mạnh việc đưa ứng dụng CNTT vào trong soạn giảng và quản lý.**

- Triển khai các văn bản chỉ đạo của Ngành; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục. Trong năm học mỗi GV phải có ít nhất 02 tiết có sử dụng ứng dụng CNTT trong thao giảng/ năm.

**4. Tổ chức và tham gia các hội thi, giao lưu*:***

***a. Yêu cầu****:*

- Trước hết mỗi một giáo viên trong nhà tổ phải thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó cùng đoàn kết giúp đỡ nhau để xây dựng nền nếp, nâng cao chất lượng giảng dạy trong trường học. Tham gia phong trào thi đua “Hai tốt”. Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các hội thi, giao lưu do trường, ngành tổ chức.

***b. Chỉ tiêu:***

***b.1. Đối với học sinh:***

- Tổ chức triễn lãm “Giữ vở sạch -viết chữ đẹp” và “Viết chữ đẹp” học sinh cấp trường, huyện. Phấn đấu 03 - 04 học sinh được công nhận và đạt giải cấp huyện.

+ Thời gian triển lãm cấp trường : tháng 12/2019

+ Thời gian thi viết chữ đẹp cấp huyện : tháng 01/2020

- Hội thi “Vẽ tranh trên máy vi tính” cho học sinh Tiểu học cấp trường, huyện. Phấn đấu có 1-2 em đạt giải cấp huyện, tham gia thi cấp Tỉnh.

+ Thời gian thi cấp trường: tháng 01/2020

+ Thời gian thi cấp huyện: tháng 02/2020

- Tổ chức giao lưu câu lạc bộ học sinh năng khiếu môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Tin học lớp 4- 5. Phấn đấu có 01 - 03 em đạt giải các cấp và khuyến khích, tạo điều kiện cho nhiều học sinh tham gia.

+ Thời gian thi cấp trường : tháng 01/2020

+ Thời gian thi cấp huyện : tháng 02/2020

- Chuẩn bị và tham gia giao lưu có hiệu quả cho học sinh DTTS tại thị xã Hương Trà (tháng 5/2020)

***b.2. Đối với giáo viên:***

- Thi giáo viên giỏi cấp huyện : Phấn đấu có 02 - 03 giáo viên tham gia và đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

+ Thời gian thi cấp tổ, trường : tháng 1, 2/2020

+ Thời gian thi cấp huyện : tháng 03/2020

***c. Một số giải pháp nhằm thực hiện các hội thi trên.***

- Tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh lớp 4, 5 từ tháng 10/2019 (Tiếng Anh, Toán, Tiếng Việt, Tin học, Vẽ tranh, viết chữ đẹp, HS dân tộc thiểu số,...) đến khi thi, giao lưu theo quy định, khuyến khích học sinh tham gia 2, 3 môn.

- Phân công giáo viên phụ trách bồi dưỡng đội tuyển tham gia các hội thi, giao lưu:

+ CLB Tiếng Anh : thầy Lê Văn Cường;

+ CLB Tin học : Thầy Lương Thanh Cường;

+ CLB Toán, Tiếng Việt : thầy Phụng, cô Lý, thầy Thạnh, thầy Khiên

+ Vẽ tranh trên máy tính : cô Hải;

+ Viết chữ đẹp, VSCĐ : các GVCN;

+ Giao lưu học sinh DTTS : GVCN kết hợp với thầy Trường, thầy Lê Vinh, và thầy Hồ Văn Luy để bồi dưỡng cho học sinh DTTS để tham gia giao lưu.

- Đối với phong trào “Giữ vở sạch - Viết chữ đẹp” và “Viết chữ đẹp”, tất cả các lớp trong toàn trường đều tham gia và thực hiện tốt, có hiệu quả. Quy định 100% học sinh sử dụng bút máy, mực màu xanh. Tổ CM sẽ tổ chức chấm và đánh giá hiệu quả của phong trào hàng tháng kết hợp đánh giá thi đua.

- Thường xuyên kiểm tra việc soạn bài trên giấy A4 với chất lượng nội dung phù hợp. Bài dạy thể hiện đổi mới phương pháp, tích hợp kỹ năng sống và môi trường, hình thức trình bày đảm bảo tính sư phạm, tính khoa học, tính thẩm mỹ và hài hòa giữa hoạt động của giáo viên và học sinh.

- Tăng cường tổ chức thao giảng, dự giờ nhằm đổi mới phương pháp dạy học, kết hợp đánh giá, hỗ trợ nhau trong giảng dạy để nâng cao tay nghề. Đồng thời có bước chuẩn bị chu đáo cho hội thi GV dạy giỏi.

**5.Công tác chuyên môn, nghiệp vụ:**

***a. Thực hiện quy chế chuyên môn****:*

- Soạn bài trên máy vi tính trước 01 tuần và đóng thành tập và chỉ sử dụng bản chính không sử dụng bản phô tô theo quy định cụ thể của chuyên môn.

- Thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Đổi mới phương pháp quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực” và “Tăng cường sự tham gia của trẻ”. Tích hợp giáo dục môi trường vào các môn học, nhằm giáo dục cho các em yêu quê hương, đất nước và các em sẽ tự giác tham gia vào các hoạt động của nhà trường, địa phương.

- Việc thao giảng dự giờ trao đổi kinh nghiệm: Mỗi giáo viên phải có ít nhất 04 tiết dạy thao giảng, 18 tiết học dự giờ đồng nghiệp trong hoặc ngoài nhà trường.

- Việc đánh giá, xếp loại học sinh phải theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về quy định đánh giá học sinh tiểu học và các công văn hướng dẫn thực hiện Thông tư 22; thực hiện hướng dẫn dạy học sinh dân tộc thiểu số theo công văn 8141/BGD&ĐT ngày 15/9/2009 và giáo dục học sinh khuyết tật theo QĐ số 23/2006/QĐ-BGD&ĐT và Thông tư 39/2009/TT-BGD&ĐT về dạy học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Đánh giá, xếp loại học sinh trong đánh giá, kiểm tra, khảo sát phải thực hiện nghiêm túc, phản ánh đúng thực chất. Các bài kiểm tra định kỳ, lên lớp phải được giao trả cho học sinh đúng quy định. Ban giám hiệu sẽ kiểm tra thường xuyên việc đánh giá xếp loại học sinh thông qua kiểm tra 5 phút, 10 phút, 15 phút... đồng thời để đánh giá hiệu quả và đổi mới phương pháp trong dạy học của giáo viên.

*-* Quy định và quản lý chặt chẽ các loại hồ sơ quy chế của giáo viên và tổ chuyên môn. Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy chế của chuyên môn.

***b. Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy:***

- Thực hiện nội dung, chương trình SGK, quán triệt và thực hiện đúng công văn hướng dẫn 896 ngày 13/2/2006 của Bộ GD&ĐT; đổi mới công tác quản lý, phân quyền tự chủ và trách nhiệm cho tổ trưởng và từng giáo viên, thực hiện nội dung dạy học phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình, tổ mình trên cơ sở đảm bảo đúng chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định. Mạnh dạn trong việc xây dựng các hình thức học tập như học tổ, học nhóm, ở trường, trải nghiệm... Việc đổi mới PPDH phải gắn liền với hiệu quả sử dụng các trang thiết bị và đồ dùng dạy học hiện có.

- Các tổ phối hợp với chuyên môn nhà trường để đầu tư xây dựng một số tiết/môn dạy sử dụng ứng dụng CNTT. Khuyến khích giáo viên trong tổ sử dụng các phương tiện CNTT nhằm thực hiện đổi mới PPDH.

- Triển khai kế hoạch BDTX cho giáo viên và thực hiện có hiệu quả theo kế hoạch của Trường Tiểu học Tân Mỹ.

**III. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO:**

**1. Về đội ngũ CB -GVCNV:**

***a. Tình hình đội ngũ :***

\* Có 08 giáo viên. Trình độ chuyên môn : ĐHSP : 05 ; CĐSP : 03. Trong đó có :

- 04 GVCN, 04 giáo viên bộ môn (gv Tiếng Anh, Mỹ thuật, Tin học, Thể dục).

\* Tổng số CBGV tổ : 08 ; Trong đó : Biên chế : 06, hợp đồng : 02

Chia ra : Cán bộ tổ : 02 ; GV : 06 (02 HĐ). Trong đó :

- GVCN : 04 (1HĐ)

- GV bộ môn : 04 (1 TA, 1 Âm nhạc, 1 MT, 1 tin học (hợp đồng), 1 TD);.

***b. Công tác phân công, bố trí sắp xếp đội ngũ :***

Cân đối, sắp xếp, bố trí giáo viên đứng lớp phù hợp với năng lực công tác của giáo viên, phân công rạch ròi công tác giảng dạy, công tác tổ chuyên môn.

Tổ trưởng : thầy Ngô Văn khiên.

Phó tổ trưởng : cô Đặng Thị Thanh Hải.

Tổ lập kế hoạch hoạt động chặt chẽ, tập trung vào việc đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng công tác, sinh hoạt và các hoạt động khác theo Điều lệ Trường Tiểu học ban hành theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 31/8/2007.

**2. Công tác bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ:**

- Tăng cường dự giờ thăm lớp, góp ý xây dựng tiết dạy nhằm giúp đỡ nhau đổi mới phương pháp dạy học như phương pháp dạy học “Lấy học sinh làm trung tâm”, “Bàn tay nặn bột” để nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời hỗ trợ nhau trong giảng dạy để nâng cao tay nghề.

- Tổ chức thao giảng dự giờ góp trao đổi kinh nghiệm : Mỗi giáo viên phải có ít nhất 04 tiết dạy thao giảng trong đó ít nhất có 02 tiết dạy có UDCNTT, 18 tiết dự giờ đồng nghiệp trong hoặc ngoài nhà trường.

**3. Công tác kiểm tra, triển khai chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ:**

- Kiểm tra thường xuyên về hồ sơ sổ sách, công tác chủ nhiệm và các hoạt động 100% cán bộ giáo viên.

- Triển khai các chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên:

+ Tháng 10/2019 : Dạy học khoa học theo pp “bàn tay nạn bột” lớp 5 do cô Nguyễn Thị Lý phụ trách.

+ Mỗi giáo viên soạn giảng, thao giảng ít nhất 02 tiết dạy theo chủ đề áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột. Dạy thao giảng 1 tiết ở khối lớp 5 (tháng 12/ 2019) do Thầy Ngô Văn Khiên phụ trách.

+ Tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường vào tháng 11, tháng 12/2019 có tất cả giáo viên trong tổ tham gia.

+ Tổ chức hội giảng chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 : 2 tiết do cô Đặng Thị Thanh Hải và thầy Lê Văn Cường phụ trách.

**\* Phân công thao giảng năm học 2019 – 2020 :**

- Học kì I (Tháng 10/2019 – 12/2020) , mỗi giáo viên 02 tiết như sau :

+ Tháng 10/2019 : cô Lý, thầy Phụng, Thầy Thanh Cường, thầy Thạnh, cô Hải

+ Tháng 11/2109 : thầy Văn Cường, thầy Khiên, cô Lý, thầy Thạnh, thầy Phụng.

+ Tháng 12/ 2019 : thầy Thanh Cường, thầy Khiên, thầy Văn Cường.

- Học kì II (Tháng 01/2020 – 04/2020) , mỗi giáo viên 02 tiết như sau **:**

+ Tháng 01/2020 : cô Lý, thầy Phụng, thầy Văn Cường, cô Hải

+ Tháng 02/2020 : thầy Thanh Cường, thầy Thạnh, thầy Khiên, thầy Phụng,

+ Tháng 03/2020 : thầy Văn Cường, cô Hải, thầy thanh Cường,

+ Tháng 04/2020 : thầy Khiên, cô Lý, cô Hải, thầy Thạnh.

**4. Vềphong trào xây dựng“ Trường học thân thiện, học sinh tích cực”**

***a. Yêu cầu:***

Đánh giá khách quan, chính xác, công bằng, sát thực nhằm động viên tinh thần, cố gắng khắc phục khó khăn. Tiếp tục quán triệt, phát huy nâng cao nhận thức về phong trào thi đua cho học sinh toàn trường.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh tham quan tìm hiểu về giá trị văn hóa của các điểm di tích trên địa bàn xã nhà.

***b. Chỉ tiêu :***

Tiếp tục xây dựng trường lớp xanh - sạch - đẹp và an toàn đồng thời trồng thêm hoa trong khuôn viên để tạo ra một không gian khoáng đãng, không khí trong lành.

+ 100% lớp học trang hoàng xanh – sạch – đep – an toàn, thân thiện với môi trường.

+ Tổ chức các trò chơi dân gian, văn hóa, văn nghệ, TDTT cho học sinh và giáo viên.

- Xây dựng lớp học thân thiện, học sinh tích cực.

- Xây dựng quy tắc ứng xử văn hóa trong môi trường giáo dục.

- Tổ chức sâu rộng các trò chơi dân gian, văn hóa, văn nghệ cho học sinh và giáo viên.

***c. Biện pháp*:**

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác thực hiện phong trào xanh, sạch, đẹp và các phong trào thi đua khác do ngành, trường và địa phương tổ chức.

+ Tổ chức nhiều trò chơi dân gian, trò chơi lành mạnh nhằm để rèn luyện sức khỏe, phát triển trí tuệ cho học sinh.

+ Hướng dẫn học sinh chăm sóc cây cảnh, bồn hoa ; làm vệ sinh các khu vực được phân công, các điểm di tích lịch sử địa phương, lăng mộ Liệt sĩ lê Trung Nghĩa.

**5. Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học:**

- Mỗi giáo viên tự làm thêm 01 – 02 đồ dùng dạy học/ năm học để phục vụ cho việc giảng dạy.

**C. NHỮNG CHỈ TIÊU VÀ DANH HIỆU THI ĐUA PHẤN ĐẤU TRONG NĂM HỌC:**

**1. Chỉ tiêu:**

***a. Về các hội thi:***

- Giao lưu học sinh năng khiếu Toán, Tiếng việt, Tiếng Anh, tin học lớp 4, 5 cấp trường, huyện. Phấn đấu có 01 học sinh/môn/ khối đạt giỏi cấp huyện.

- Thi “ Viết chữ đẹp” học sinh cấp Huyện, Tỉnh. Phấn đấu có 4 - 5 học sinh được công nhận, đạt giải cấp huyện.

- Thi “Vẽ tranh trên máy tính” cho học sinh tiểu học cấp Huyện và Tỉnh. Phấn đấu có 1-2 em đạt giải cấp huyện, tham gia thi cấp Tỉnh.

- Thi giáo viên giỏi cấp Huyện đạt 1 - 2 giáo viên đạt giải.

***b. Về chất lượng***

\* Học sinh (có bản đính kèm).

Trên đây là kế hoạch hoạt động của Tổ chuyên môn 4, 5 năm học 2019 - 2020.

**DUYỆT CỦA BGH Tổ trưởng**

**Ngô Văn Khiên**

**BẢNG CHẤT LƯỢNG TỔ 4, 5. NĂM HỌC 2019 – 2020**

**1. Chất lượng giáo dục :**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại đánh giá nôi  dung các môn học | Lớp  4/1 | Tỉ lệ  % | Lớp  4/2 | Tỉ lệ  % | Lớp  5/1 | Tỉ lệ  % | Lớp  5/2 | Tỉ lệ  % |
| **Môn Toán** | | | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 7 | 33,3 | 9 | 47,4 | 10 | 40,0 | 8 | 32,0 |
| Hoàn thành | 14 | 66,7 | 10 | 52,6 | 15 | 60,0 | 17 | 68,0 |
| Chưa hoàn thành |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| **Môn Tiếng Việt** | | | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 6 | 28,6 | 7 | 36,8 | 12 | 48,0 | 8 | 32,0 |
| Hoàn thành | 15 | 71,4 | 12 | 63,2 | 13 | 52,0 | 17 | 68,0 |
| Chưa hoàn thành |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| **Môn Khoa học** | | | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 8 | 38,1 | 10 | 52,6 | 16 | 64,0 | 17 | 68,0 |
| Hoàn thành | 13 | 61,9 | 9 | 47,4 | 9 | 36,0 | 8 | 32,0 |
| Chưa hoàn thành |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| **Môn Lịch sử và Địa lí** | | | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 7 | 33,3 | 8 | 42,1 | 8 | 32,0 | 7 | 28,0 |
| Hoàn thành | 14 | 66,7 | 11 | 57,9 | 17 | 68,0 | 18 | 72,0 |
| Chưa hoàn thành |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| **Môn Đạo đức** | | | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 10 | 47,6 | 14 | 73,7 | 18 | 72,0 | 16 | 64,0 |
| Hoàn thành | 11 | 52,3 | 5 | 26,3 | 7 | 28,0 | 9 | 36,0 |
| Chưa hoàn thành |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| **Môn Kĩ thuật** | | | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 15 | 71,4 | 12 | 63,2 | 17 | 68,0 | 18 | 72,0 |
| Hoàn thành | 6 | 28,6 | 7 | 36,8 | 8 | 32,0 | 7 | 28,0 |
| Chưa hoàn thành |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| **Số hs được kh/thưởng** | 13 | 61,9 | 13 | 68,4 | 15 | 60,O | 15 | 60,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại đánh giá nôi dung các môn học | Lớp  3/1 | TL | Lớp  3/2 | TL | Lớp  4/1 | TL | Lớp  4/2 | TL | Lớp 5/1 | TL | Lớp 5/2 | TL |
| **Môn Tiếng Anh** | | | | | | | | | | | | |
| HTT | 13 | 48,1 | 12 | 50,0 | 11 | 52,4 | 10 | 40,0 | 14 | 56,0 | 14 | 56,0 |
| HT | 14 | 51,9 | 12 | 50,0 | 10 | 47,6 | 9 | 60,0 | 11 | 44,0 | 11 | 44,0 |
| CHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 27 | 100 | 24 | 100 | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| Số học sinh được khen thưởng | 6 | 22,2 | 6 | 25,0 | 5 | 23,8 | 5 | 26,3 | 7 | 28,0 | 7 | 28,0 |
| **Môn Tin học** | | | | | | | | | | | | |
| HTT | 7 | 25,9 | 16 | 66,7 | 6 | 28,6 | 4 | 21,1 | 6 | 24,0 | 6 | 24,0 |
| HT | 20 | 74,1 | 8 | 33,3 | 15 | 71,4 | 15 | 78,9 | 19 | 76,0 | 19 | 76,0 |
| CHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 27 | 100, | 24 | 100 | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| Số học sinh được khen thưởng | 7 | 25,9 | 6 | 25,0 | 6 | 28,6 | 4 | 21,1 | 6 | 24,0 | 6 | 24,0 |
| **Mĩ thuật** | | | | | | | | | | | | |
| HTT | 13 | 48,0 | 13 | 54,0 | 11 | 52,0 | 11 | 58,0 | 12 | 48,0 | 11 | 44,0 |
| HT | 14 | 52,0 | 11 | 46,0 | 10 | 48,0 | 08 | 42,0 | 13 | 52,0 | 14 | 56,0 |
| CHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 27 | 100 | 24 | 100 | 21 | 100 | 19 | 100 | 25 | 100 | 25 | 100 |
| Số học sinh được khen thưởng | 7 | 25,9 | 8 | 33,3 | 8 | 38,1 | 6 | 31,6 | 7 | 28,0 | 5 | 20,0 |
|  | | | | | | | | | | | | |
|  | Lớp 1/1 | TL | Lớp 1/2 | TL | Lớp 2/1 | TL | Lớp 2/2 | TL | Lớp 3/1 | TL | Lớp 3/2 | TL |
| **Môn Thể dục** | | | | | | | | | | | | |
| HTT | 12 | 54,5 | 10 | 47,6 | 9 | 42,9 | 8 | 38,1 | 15 | 55,6 | 10 | 41,7 |
| HT | 10 | 45,1 | 11 | 52,4 | 12 | 57,1 | 13 | 61,9 | 12 | 44,4 | 14 | 58,3 |
| CHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 22 | 100 | 21 | 100 | 21 | 100 | 21 | 100 | 27 | 100 | 24 | 100 |
| Số học sinh được khen thưởng | 10 | 45,1 | 10 | 47,6 | 9 | 42,9 | 8 | 38,1 | 12 | 44,4 | 8 | 33,3 |
| **Môn Thể dục** | | | | | | | | | | | | |
|  | Lớp 4/1 | TL | Lớp 4/2 | TL | Lớp 5/1 | TL | Lớp 5/2 | TL |
| HTT | 4 | 19,4 | 9 | 47,1 | 10 | 40,0 | 9 | 36,0 |
| HT | 17 | 80,6 | 10 | 52,9 | 15 | 60 | 16 | 64,0 |
| CHT |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 21 |  | 19 |  | 25 |  | 25 |  |
| Số HS được khen thưởng | 10 | 47,6 | 8 | 42,1 | 12 | 48,0 | 13 | 52,0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại đánh giá nôi dung các môn học | Lớp 1/1 | TL | Lớp 1/2 | TL | Lớp 2/1 | TL | Lớp 2/2 | TL |
| **Thủ công** | | | | | | | | |
| HTT | 12 | 55,0 | 10 | 48,0 | 11 | 52,0 | 10 | 48,0 |
| HT | 10 | 45,0 | 11 | 52,0 | 10 | 48,0 | 11 | 52,0 |
| CHT |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | 22 | 100,0 | 21 | 100,0 | 21 | 100,0 | 21 | 100,0 |
| Số HS  được khen thưởng | 8 | 36,4 | 7 | 33,3 | 8 | 38,1 | 6 | 28,6 |

**2. Chất lượng đánh giá năng lực và phẩm chất :**

- Chỉ tiêu đến cuối năm có 90/90 học sinh được đánh giá Tốt và Đạt. Chia ra :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp**  **loại** | **Năng lực** | | | | | | **Phẩm chất** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cộng** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cộng** | |
| **Khối 4** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| Lớp 4/1 | 12 | 57,1 | 9 | 42,9 | 21 | 100 | 15 | 71,4 | 6 | 28,6 | 21 | 100 |
| Lớp 4/2 | 14 | 73,7 | 5 | 26,3 | 19 | 100 | 15 | 78,9 | 4 | 21,1 | 19 | 100 |
| **Cộng khối 4** | **26** | **65,0** | **14** | **35,0** | **40** | **100** | **30** | **75,0** | **10** | **25,0** | **40** | **100** |
| Khối 5 | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| Lớp 5/1 | 15 | 60,0 | 10 | 40,0 | 25 | 100 | 14 | 56,0 | 11 | 44,0 | 25 | 100 |
| Lớp 5/2 | 14 | 56,0 | 11 | 44,0 | 25 | 100 | 13 | 52,0 | 12 | 48,0 | 25 | 100 |
| **Cộng khối 5** | **29** | **58,0** | **21** | **42,0** | **50** | **100** | **27** | **54,0** | **23** | **46,0** | **50** | **100** |
| **Tổng cộng** | **55** | **61,1** | **35** | **38,9** | **90** | **100** | **57** | **63,3** | **33** | **36,7** | **90** | **100** |